

-(으)십시오

chúng ta hãy

Đề nghị cùng làm việc gì đó. Giáo trình dạy mẫu này từ sớm, nhưng nó mang tính áp đặt hơn chữ “hãy ... nào” trong tiếng Việt — đủ để trở thành lựa chọn sai khi nói với người trên.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-십시오	가다 → 갑시다
Kết thúc bằng phụ âm	-읍시다	먹다 → 먹읍시다
Kết thúc bằng ㄹ	lược bỏ ㄹ	만들다 → 만듭시다
Thân mật	-자	가자
Với người trên	-(으)시죠 / -(으)니까요?	가시죠 / 갈까요?
Chúng ta đừng	-지 맙시다	가지 맙시다

Khi nào dùng

Gốc từ kết thúc bằng nguyên âm thì thêm -십시오 và ㅁ gắn vào âm tiết: 가 thành 갑시다. A phụ âm thì thêm -읍시다: 먹 thành 먹읍시다. Gốc từ kết thúc bằng ㄹ thì lược bỏ nó: 만들다 thành 만듭시다.

Điều đáng học kỹ nhất là sắc thái. -(으)십시오 hợp khi nói với người ngang hàng và người dưới, và phù hợp trong cuộc họp hay thông báo. Nói với giáo viên hoặc cấp trên thì nghe như một mệnh lệnh, nên tiếng Hàn thay bằng -(으)시죠 hoặc chuyển thành câu hỏi với -(으)니까요?

Giữa bạn bè thân, dạng thân mật là -자: 같이 가자. Và vì đây là đề nghị một hành động nên chỉ dùng với động từ hành động.

Ví dụ trong câu

- 1 이제 시작합니다.
Chúng ta bắt đầu nào.
- 2 다 같이 노력합니다.
Tất cả chúng ta hãy cùng cố gắng.
- 3 여기서 좀 쉬시다.
Chúng ta nghỉ ở đây một chút nhé.
- 4 그 이야기는 나중에 합시다.
Chuyện đó để sau hãy nói.
- 5 늦지 맙시다.
Chúng ta đừng đến muộn nhé.
- 6 조용히 합시다.
Chúng ta hãy giữ trật tự.

So sánh với

-(으)니까요?
-(으)십시오 là quyết định; -(으)니까요? là hỏi ý. Dạng câu hỏi chứa chỗ cho người kia từ chối, nên là cách mở lời an toàn hơn.
밥 먹읍시다. (chúng ta ăn thôi) / 밥 먹을까요? (mình ăn cơm nhé?)

-(으)시죠
Dùng dùng với người trên. Nó chứa kính ngữ -(으)시- và làm mềm lời đề nghị thành lời mời.
부장님, 이쪽으로 가시죠. / không phải 부장님, 이쪽으로 갑시다

-자
Dạng thân mật tương đương, dùng với bạn thân và người rõ ràng nhỏ tuổi hơn. Trộn nó với đuôi lịch sự ở chỗ khác trong câu nghe sẽ không tự nhiên.
같이 가자. (bạn bè) / 같이 갑시다. (đồng nghiệp)

Lưu ý

- X 선생님, 같이 점심 먹읍시다.
O 선생님, 같이 점심 드실까요?
-(으)십시오 nghe như mệnh lệnh khi nói với người trên. Với người trên, hãy hỏi bằng -(으)니까요? hoặc -(으)시죠.
- X 저녁을 만듭시다.
O 저녁을 만듭시다.
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ sẽ lược bỏ nó, giống như trước -ㅁ니다 và -(으)세요.
- X 오늘은 날씨가 좋읍시다.
O 오늘은 날씨가 좋으면 좋겠어요.
Bạn có thể đề nghị một hành động chứ không thể đề nghị một trạng thái. Tính từ không dùng được với đuôi này.